

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI SỰ VẬN DỤNG TRIẾT LÝ “DĨ BẤT BIẾN, ỨNG VẠN BIẾN” TRONG CÁCH MẠNG VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Trường Chính trị tỉnh Đồng Nai

Email liên hệ: hiennguyenn43@gmail.com

(Ngày nhận bài: 17/5/2024, ngày nhận bài chỉnh sửa: 26/5/2024, ngày duyệt đăng: 21/6/2024)

TÓM TẮT

Triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” đã trở thành phương pháp luận cách mạng đặc sắc, phương châm hành động luôn nhất quán quan điểm lấy thực tiễn làm điểm xuất phát của Hồ Chí Minh. Trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã vận dụng thành công triết lý ấy trong mỗi hoàn cảnh lịch sử cụ thể, từ đó nhấn mạnh rằng, trong quá trình lãnh đạo cách mạng cần cương quyết, mềm dẻo, chủ động trong mọi tình huống, hoàn cảnh dựa trên cơ sở của những nền tảng không thể thay thế, biến đổi được. Những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự vận dụng triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” vẫn còn nguyên giá trị, cần phải được tiếp tục nghiên cứu và vận dụng trong thực tiễn đổi mới đất nước hiện nay.

Từ khóa: Hồ Chí Minh, dĩ bất biến ứng vạn biến, cách mạng Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Trong suốt quá trình hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đã để lại di sản lý luận đồ sộ trên nhiều lĩnh vực với một hệ thống phương pháp luận cách mạng đặc sắc, phương châm hành động luôn nhất quán quan điểm lấy thực tiễn làm điểm xuất phát. Trong đó, triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến, dĩ chúng tâm vi kỷ tâm” đã trở thành nguyên tắc hoạt động và nghệ thuật ứng xử để đạt được thành quả cao nhất của cách mạng trong bất cứ hoàn cảnh nào. Nhờ có sự vận dụng linh hoạt, tài tình phương châm này và phương pháp cách mạng đúng đắn, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chỉ tập trung vào luận giải về hai vấn đề: một là ý nghĩa của “bất biến” và “vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh; hai là sự vận dụng triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” của Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Ý nghĩa của “bất biến” và “vạn biến” trong tư tưởng Hồ Chí Minh

Theo nhà ngoại giao Vũ Dương Huân - nhà cải cách chính trị, tướng soái quân sự đồng thời cũng là một nhà lý luận quân sự xuất sắc - triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” là điển cố được suy từ binh pháp của Ngô Khởi, thiên thứ năm về ứng biến. Ông là nhà binh học nổi tiếng ngang với Tôn Vũ, nhà chính trị nổi tiếng ngang với Thương Ưởng như lời đánh giá của Quách Mạt Nhược. Triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến, dĩ chúng tâm vi kỷ tâm” được hiểu là lấy cái bản chất, cái nguyên tắc không bao giờ thay đổi để ứng đối phó với những cái vạn biến trong cuộc đời. Hiểu theo nghĩa đen là lấy cái bất động để đối phó với nhiều cái mạnh động. “Dĩ bất biến” cũng có thể hiểu là sự bình tĩnh, sáng suốt và cứng rắn, không nóng vội thay đổi, “biến” động theo “vạn biến”. Như vậy, triết lý “dĩ chúng tâm vi kỷ tâm” (lấy tâm chúng sinh làm tâm của mình)

được xem như một bí kíp vào những thời điểm nhất định với ý nghĩa là lấy một sự bình tĩnh, chống lại ngàn sự biến động, lấy sự không đổi ứng phó với vạn điều thay đổi, lấy cái tâm bất biến để đối phó với hoàn cảnh bên ngoài liên tục biến động nhằm thực hiện mục tiêu không đổi. Vạn vật luôn vận động và biến đổi, biểu hiện ra bên ngoài rất phong phú, đa dạng, sinh hóa tùy theo hoàn cảnh nhưng theo một quy luật nhất định vì bản chất của thế giới cũng như quy luật vận động của nó là tương đối ổn định. Vì thế, con người phải nắm được quy luật “cái bất biến” thì mới có thể nhận thức và hoạt động cho phù hợp với mọi điều biến hóa là “cái vạn biến” trong hiện thực. Đây cũng chính là mối quan hệ giữa bản thể và hiện tượng, là vấn đề trung tâm, vấn đề cơ bản của triết học xuyên suốt trong mọi nền văn hóa từ Đông sang Tây.

Vượt qua không gian và thời gian, câu nói mang đậm chất triết lý của triết học phương Đông này được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng tại thời điểm vận mệnh dân tộc ngàn cân treo sợi tóc. “Dĩ bất biến ứng vạn biến” là cẩm nang giữ nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh trao lại cho cụ Huỳnh Thúc Kháng – quyền Chủ tịch nước, trước khi Người sang Pháp vào tháng 5 năm 1946. Với phương châm này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cho thấy quan điểm phải kết hợp một cách linh hoạt và chặt chẽ giữa tính nguyên tắc, sự kiên định của mục tiêu chiến lược với sách lược, giữa đường lối cách mạng của cả dân tộc và sách lược cách mạng trong từng giai đoạn cụ thể. Điều này trở thành nguyên tắc, tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt và phương châm hành động của cách mạng

Việt Nam. Cao hơn nữa, nó trở thành triết lý nhân sinh của dân tộc ta trong từng giai đoạn cụ thể với ý nghĩa biện chứng sâu sắc.

Trong tư tưởng của Hồ Chí Minh thì “không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Đây là quyền thiêng liêng bất khả xâm phạm của mỗi dân tộc. Người khẳng định: “tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do” (Hồ Chí Minh, 2011a, tr. 1). Từ điều bất biến ấy trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, điều mà “không ai chối cãi được”, đã trở thành ý chí, nguyện vọng và hành động của cuộc đấu tranh cho quyền con người, đấu tranh cho độc lập dân tộc trong suốt cuộc đời của Người. Mục tiêu bất biến ấy đã được thể hiện ngay từ trong *Cương lĩnh chính trị 1930* - cương lĩnh đầu tiên của Đảng, cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo mà tư tưởng bất biến là độc lập dân tộc đã thể hiện rất rõ. Sau đó, đến tháng 8 năm 1945, Người một lần nữa khích lệ tinh thần, ý chí đấu tranh của cả dân tộc trong lúc những điều kiện khách quan và chủ quan của lịch sử đã tới bằng câu nói bất hủ: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập” (Võ Nguyên Giáp, 2011, tr.129-130). Kết quả của ý chí, mục tiêu bất biến đó là thành quả của quá trình đấu tranh cho độc lập, tự do của cả dân tộc. Cách mạng Tháng Tám thành công, Người thay mặt chính phủ lâm thời đọc “Tuyên ngôn độc lập”, trịnh trọng khẳng định trước thế giới: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập,

và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy” (Hồ Chí Minh, 2011a, tr. 3).

Bên cạnh mục tiêu cách mạng, việc lựa chọn được con đường cách mạng đúng đắn là điều quan trọng không kém. Việc lựa chọn như thế nào sẽ quyết định đến giai cấp lãnh đạo là ai, lực lượng cách mạng là đối tượng như thế nào. Từ đó sẽ ảnh hưởng đến định hướng, đường lối phát triển của cả dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm ra quy luật vận động và phát triển phù hợp với cách mạng Việt Nam, một quy luật đáp ứng yêu cầu giải phóng của toàn thể dân tộc Việt Nam nói chung cũng như của mỗi con người nói riêng. Người cho rằng: “Yêu tổ quốc, yêu nhân dân phải gắn liền với yêu chủ nghĩa xã hội, vì có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm” (Hồ Chí Minh, 2011g, tr. 401). Đó chính là điều bất biến thứ hai trong tư tưởng của Hồ Chí Minh, đưa đến việc Người chọn con đường “độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội”, chọn con đường cách mạng vô sản để giải phóng dân tộc, giải phóng con người. Ý nghĩa của điều bất biến này được xác định ngay khi người thanh niên Nguyễn Ái Quốc đọc được *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin trên tờ báo *Nhân đạo* năm 1920. Người đã phải thốt lên: “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta!” (Hồ Chí Minh, 2011h, tr.562). Đây cũng chính là điểm khác biệt giữa con đường cứu

nước của Hồ Chí Minh với con đường cứu nước của các sĩ phu yêu nước trước đó. Người đã viết: “Dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ” (Hồ Chí Minh, 2011h, tr. 563).

Mục tiêu gắn độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội nhằm mang lại sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, mang đến cho dân tộc quyền tự quyết vốn dĩ phải thuộc về mình, theo đó là sự ấm no, hạnh phúc của mọi tầng lớp nhân dân. Đó là mong mỏi của Hồ Chí Minh, đáp lại những khát vọng của người dân Việt Nam cũng như nhiều dân tộc bị áp bức khác lúc bấy giờ. Đó cũng chính là điều bất biến của cách mạng Việt Nam; là chân lý, mục tiêu của cách mạng Việt Nam. Kết quả tất yếu đó xuất hiện khi điều kiện thực tiễn chỉ ra rằng yếu tố lực lượng sản xuất trong xã hội ngày một lớn mạnh hơn, giai cấp công nhân và nông dân dần trưởng thành hơn và giữ vai trò lực lượng cách mạng chính. Tuy nhiên, thực tế cho thấy mỗi nước có bối cảnh lịch sử khác nhau, điểm đặc thù của mỗi dân tộc khác nhau nên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước không giống nhau. “Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến chủ nghĩa xã hội, đó là điều không tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới chủ nghĩa xã hội không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ, vào loại này hay loại khác của chuyên chính vô sản, vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”

(Lênin, 2005, tr.160). Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng khẳng định: “Ta không thể giống Liên Xô, vì Liên Xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử địa lý khác... ta có thể đi con đường khác để tiến lên chủ nghĩa xã hội” (Hồ Chí Minh, 2011e, tr. 391). Chủ nghĩa xã hội có mục tiêu, nguyên lý chung giống nhau nhưng mỗi nước có hoàn cảnh đặc thù khác nhau nên cần phải có phương thức hoạt động, biện pháp xây dựng cũng như cách làm khác nhau cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng nước. Người làm cách mạng phải biết sáng tạo để lựa chọn biện pháp xử trí các tình huống cách mạng trong thực tế một cách mềm dẻo, linh hoạt để giữ vững được mục tiêu bất biến. Mặt khác, vận dụng sáng tạo vào những điều khả biến có thể xuất hiện bất cứ khi nào trong các tình huống có vấn đề hoàn cảnh thực tiễn để đưa cách mạng đến thành công. Đó là lý do mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng xác định: “Mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta thì phải vững chắc, nhưng sách lược của ta thì linh hoạt” (Hồ Chí Minh, 2011d, tr. 555). Ứng vận biến chính là như thế.

2.2. Hồ Chí Minh với việc vận dụng triết lý “dĩ bất biến, ứng vạn biến”

Có thể nhận thấy nguyên tắc “dĩ bất biến ứng vạn biến” trong binh pháp của người phương Đông được vận dụng rất tinh tế, sâu sắc trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong nguyên tắc ấy, cái bất biến và cái khả biến có mối quan hệ biện chứng với nhau cái bản thể có tính ổn định, không thay đổi với cái biểu hiện đa dạng, luôn vận động, biến đổi chuyển hóa không ngừng trên cơ sở,

nền tảng cái bản thể có sự liên hệ mật thiết với nhau. Ngoài ra, nguyên tắc đó còn thể hiện tính khoa học của triết học Mác xít bởi bên trong nó chứa đựng đầy đủ tính biện chứng, tính duy vật lịch sử, nguyên lý của phát triển, của mối liên hệ phổ biến... là những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin. Trong quá trình vận dụng nguyên tắc này vào thực tiễn, người sử dụng không bị bó buộc mà luôn có thể chủ động linh hoạt trong mọi tình huống, sáng tạo trong hoàn cảnh khách quan của hoạt động đang diễn ra. Vì thế, câu nói ấy không bao giờ trở nên cứng nhắc, cũ kỹ hay nhàm chán mà luôn chứa đựng sự tinh tế, mới mẻ. Điều này có ý nghĩa không chỉ đối với cách mạng mà còn cả quá trình xây dựng, phát triển; không chỉ cho cả xã hội mà còn cho từng gia đình, mỗi cá nhân trong xã hội. Bản thân mỗi người cần phải nắm giữ, kiên định với cái bản thể, cái quan trọng nhất của mình từ đó có thể thay đổi, điều chỉnh, ứng biến một cách linh hoạt với những cái biến đổi, cái nhỏ nhất việc xảy ra xung quanh. Để thực hiện được điều đó, trước hết cần phải trang bị lập trường vững chắc và kiên định, phải bình tĩnh và sáng suốt để nhận định thời cơ để có thể đưa ra những cách thức hành động phù hợp, hiệu quả. Có thể nhận định, phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến” đã được Hồ Chí Minh vận dụng thành công trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể, từ đó nhấn mạnh rằng, trong quá trình lãnh đạo cách mạng cần cương quyết, mềm dẻo, chủ động trong mọi tình huống, hoàn cảnh dựa trên cơ sở của những nền tảng không thể thay thế, biến đổi được.

Cụ thể với cách mạng Việt Nam giai đoạn 1945-1946, sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập - nhà nước công - nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Đó là nhà nước kiểu mới do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Khi đó, Chính phủ lâm thời phải đương đầu với rất nhiều nguy cơ. Các thế lực thù địch với hơn hai mươi vạn quân Tưởng tràn vào miền Bắc nhằm giải giáp quân Nhật; quân Anh và quân Pháp tiến vào miền Nam, lấy danh nghĩa quân đồng minh để tước vũ khí quân Nhật, đây là ý đồ của quân Pháp muốn trở lại xâm chiếm nước ta một lần nữa. Bên cạnh đó, còn có tay sai của thực dân, địa chủ phong kiến phản cách mạng, Việt Quốc, Việt Cách bám gót quân Tưởng về nước chống phá cách mạng... Đứng trước tình cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” của đất nước, Hồ Chí Minh đã kiên định với chân lý “không có gì quý hơn độc lập tự do”, vận dụng phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến” để phân hóa và lần lượt loại bỏ từng mối nguy cơ để giữ vững được chính quyền cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam và đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trương hòa hoãn với quân Tưởng ở miền Bắc để tập trung đánh thực dân Pháp ở miền Nam. Sau đó, để đuổi Tưởng ra khỏi miền Bắc, ta lại tạm hòa với Pháp. Như vậy, đồng thời ta đuổi luôn bọn phản động theo đuôi quân Tưởng ra khỏi Việt Nam. Quay trở lại với kẻ thù chính là thực dân Pháp, Đảng và Bác Hồ đã đưa ra sách lược “hòa để tiến” bằng Hiệp định sơ bộ 6/3/1946. Nhà nước ta đồng ý cho 15.000 quân Pháp vào miền Bắc thay thế cho 200.000 quân quân Tưởng để

giải giáp quân đội Nhật. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với nước ngoài, đã tạo cơ sở pháp lý cho các cuộc đấu tranh ngoại giao của Việt Nam sau đó, trong đó có Tạm ước 14/9/1946. Trong bối cảnh lịch sử năm 1946, việc ký Hiệp định sơ bộ đã giúp ta loại bỏ quân Tưởng và bọn phản động theo đuôi, tập trung lực lượng vào kẻ thù chính là thực dân Pháp. Đây là một quyết định sáng suốt về sách lược, về việc tận dụng thời cơ, về sự nhân nhượng có nguyên tắc. Với Tạm ước 14/9/1946, đây được xem là một giải pháp chính trị linh hoạt, tài tình nhằm bảo vệ Hiệp định sơ bộ 6/3/1946, đồng thời kéo dài thêm một khoảng thời gian hòa bình quý giá cho Việt Nam tiếp tục xây dựng, củng cố lực lượng cho tới ngày Toàn quốc kháng chiến 19/12/1946. Theo Tạm ước này, các lực lượng quân sự hai bên giữ nguyên tình trạng chiếm đóng trên chiến trường, Pháp sẽ được trao thêm một số lợi ích kinh tế nhưng nhất định phải tôn trọng quyền độc lập dân tộc của ta. Tạm ước nhằm kéo dài thời gian, tạo điều kiện cho ta tiếp tục củng cố chính quyền cách mạng non trẻ, chuẩn bị lực lượng cho cuộc trường kỳ kháng chiến của dân tộc. Văn bản này tạm đẩy lùi nguy cơ xung đột lớn, được Đảng ta coi là bước nhân nhượng cuối cùng, nhân nhượng nữa là ảnh hưởng đến chủ quyền của đất nước, làm hại đến lợi ích của dân tộc.

Việc ký Hiệp định Sơ bộ 6/3 và Tạm ước 14/9 là một chủ trương rất sáng suốt, thể hiện tư duy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng như

khát vọng hòa bình của dân tộc ta trong giai đoạn lịch sử khó khăn – giai đoạn mà cả dân tộc phải đối diện với nhiều nguy cơ, chính quyền cách mạng còn non trẻ phải đối mặt với thù trong giặc ngoài. Với chủ trương cứng rắn về nguyên tắc, mềm dẻo về phương pháp, biết lợi dụng mâu thuẫn của kẻ thù, không cho chúng tập trung lực lượng chống phá cách mạng, ta đã phá tan được vòng vây nguy hiểm của kẻ thù, đồng thời tận dụng được thời gian hòa hoãn để nhanh chóng, khẩn trương xây dựng lực lượng về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu của cuộc trường kỳ kháng chiến sau này. Trong hai văn bản ấy, ta đã yêu cầu Pháp phải công nhận nền độc lập và thống nhất của Việt Nam, đó là điều bất biến. Tuy nhiên, tương quan lực lượng giữa ta và địch lúc bấy giờ không cho phép kiên quyết, nhất quán với quan điểm này mà ta phải thực hiện hòa hoãn trong một số vấn đề chẳng hạn như ghi là “Pháp công nhận nước Việt Nam ‘tự do’” trong Hiệp định mới thay cho “Pháp công nhận nước Việt Nam là ‘độc lập’”. Về thực chất thì ta vẫn có chính phủ, nghị viện, quân đội và tài chính riêng... vẫn là độc lập. “Chúng ta cần hòa bình để xây dựng nước nhà, cho nên chúng ta đã ép lòng mà nhân nhượng để giữ hòa bình. Dù thực dân Pháp đã bội ước, đã gây chiến tranh, nhưng gần một năm tạm hòa bình đã cho chúng ta thời giờ để xây dựng lực lượng căn bản” (Hồ Chí Minh, 2011c, tr. 28). Với tình thế lúc bấy giờ, Tạm ước 14/9 tuy chưa đáp ứng được ý chí nguyện vọng của Chính phủ và toàn thể nhân dân Việt Nam nhưng là động thái ngoại giao mềm dẻo, khéo léo, tài tình của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, là

bước đi cần thiết trong mỗi sách lược nhằm biến thời gian thành lực lượng vật chất, củng cố thực lực một cách toàn diện chuẩn bị tốt cho cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp. Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi nhận như sự mẫu mực trong lịch sử về sự nhân nhượng có nguyên tắc để giữ được hòa bình.

Trong những năm đấu tranh và xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, cách mạng Việt Nam với tinh thần tự lực tự cường là chính, nhưng sự giúp đỡ của bè bạn quốc tế - Liên Xô và Trung Quốc - là vô cùng quan trọng. Hồ Chí Minh cũng đã vận dụng khéo léo nguyên tắc “đĩ bất biến ứng vạn biến” trong việc tranh thủ sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc, cũng như giải quyết mối quan hệ giữa nước ta với Liên Xô và Trung Quốc trong khi hai nước này có những bất đồng. Vì mục tiêu cao nhất là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên cả nước, cách mạng Việt Nam luôn trong tâm thế sẵn sàng ứng phó với cái vạn biến của kẻ thù - từ chiến tranh đặc biệt đến chiến tranh cục bộ rồi Việt Nam hóa chiến tranh. Cách mạng Việt Nam có phương pháp phù hợp, có chiến lược, chiến thuật linh hoạt như hai chân ba mũi đánh địch bằng ba thứ quân, làm chủ để diệt địch, kết hợp kinh nghiệm của quần chúng với chiến tranh cách mạng... Bên cạnh đó, “do cố gắng vận dụng những lời dạy của Lênin, nhưng vận dụng một cách sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam ngày nay” (Hồ Chí Minh, 2011h, tr. 476) đã góp phần rất lớn cho cách nhận thức đúng đắn khi thời cơ đến, đón nhận nó một cách chủ động và chớp thời cơ để dành thắng lợi.

Trong công cuộc đổi mới hiện nay, vận dụng triết lý “dĩ bất biến ứng vạn biến” chính là giữ sự bất biến về mục tiêu chủ nghĩa xã hội là căn cốt, để từ đó người lãnh đạo có thể áp dụng vạn biến trong chính sách, biện pháp, phương thức, hình thức và phương tiện để đi đến thành công. Như Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Học chủ nghĩa Mác - Lênin không phải nhấc như con vẹt “Vô sản thế giới liên hiệp lại” mà phải thống nhất chủ nghĩa Mác - Lênin với thực tiễn cách mạng Việt Nam (Hồ Chí Minh, 2011b, tr. 368). Phải có sự thống nhất chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn, không để sự chủ quan của cá nhân áp đặt vào thực tiễn một cách cứng nhắc. Người đứng đầu cần có tư duy nhạy bén, độc lập và tôn trọng quy luật khách quan. Biết kết hợp linh hoạt giữa sách lược và chiến lược, cái cũ và cái mới nhưng phải cái mới bất kỳ. Dù khả năng đón nhận cái mới tiên bộ và loại bỏ cái cũ không còn phù hợp trong sự mềm dẻo và linh hoạt để đạt được sự phát triển bền vững.

3. Kết luận

Có thể nói, cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác là

nhờ có phương pháp cách mạng đúng đắn, trong đó có sự vận dụng linh hoạt phương châm “dĩ bất biến ứng vạn biến”. Chủ tịch Hồ Chí Minh với tài năng kiệt xuất của mình đã chứng minh một chân lý - làm cách mạng không chỉ cần đúng mà còn phải khéo; không chỉ cần lập trường vững vàng, quan điểm cứng rắn mà còn đòi hỏi có nghệ thuật, có mưu lược, có phương pháp. “Phương pháp Hồ Chí Minh không chỉ là khoa học mà còn là nghệ thuật” (Phạm Văn Đồng, 1998, tr. 31-32). Quan điểm “dĩ bất biến ứng vạn biến” chính là đặc điểm độc đáo trong triết lý sống, triết lý hành động của Hồ Chí Minh. Từ triết lý: “Dĩ bất biến ứng vạn biến” dẫn đến triết lý hành động, triết lý sống “Dĩ chúng tâm vi kỷ tâm”; hai cái đó quyện chặt vào nhau, gắn liền mật thiết, chặt chẽ với nhau, không tách rời nhau; triết lý hướng đến hành động, hành động nói lên triết lý, trong triết lý đã bao hàm xu thế hành động, trong hành động có triết lý, triết lý và hành động gắn chặt với nhau tạo nên triết lý hành động Hồ Chí Minh mà không phải vĩ nhân nào cũng có được (Nguyễn Hùng Hậu, 2009).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đồng, P. V. (1998). *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.
- Hậu, N. H. (2009). Từ triết lý “Dĩ bất biến ứng vạn biến” đến triết lý hành động Hồ Chí Minh. Truy cập ngày 26/5/2024, từ <https://tuyengiao.vn/tu-triet-ly-di-bat-bien-ung-van-bien-den-triet-ly-hanh-dong-ho-chi-minh-14902>
- Giáp, V. N. (2011). *Tổng tập hồi ký*. Hà Nội: Nxb Quân đội nhân dân.
- Lênin, V. I. (2005). *V. I. Lênin toàn tập, tập 30*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh. (2011a). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh Minh. (2011b). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

- Hồ Chí Minh Minh. (2011c). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh Minh. (2011d). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 8*. Hà Nội: Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh Minh. (2011e). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 10*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh. (2011g). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 11*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Hồ Chí Minh. (2011h). *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 12*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật.

**APPLICATION OF PRESIDENT HO CHI MINH'S PHILOSOPHY
"FIRM IN OBJECTIVES, FLEXIBLE IN TACTICS AND STRATEGIES"
INTO THE VIETNAMESE REVOLUTION**

Nguyễn Thị Thanh Hiền

Political School in Dong Nai Province

Email liên hệ: hiennguyenn43@gmail.com

(Received: 17/5/2024, Revised: 26/5/2024, Accepted for publication: 21/6/2024)

ABSTRACT

The philosophy of "firm in objectives, flexible in tactics and strategies" ("dĩ bất biến, ứng vạn biến") has become a unique revolutionary methodology, the motto of action always consistent with Ho Chi Minh's view of taking reality as the starting point. In the practice of leading the Vietnamese revolution, Ho Chi Minh successfully applied that philosophy to each specific historical situation, thereby emphasizing that in the process of leading the revolution, it is necessary to be resolute, flexible, and proactive in all situations and circumstances based on irreplaceable and constant foundations. President Ho Chi Minh's instructions on applying the philosophy of "firm in objectives, flexible in tactics and strategies" are still valid and need to be continued to be researched and applied in the current practice of national innovation.

Keywords: *Ho Chi Minh; firm in objectives, flexible in tactics and strategies; Vietnamese revolution*